

Bản án số: 103/2024/HC-PT

Ngày 01/4/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Thái

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường

ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 336/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, Đắk Lắk;

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (*Văn bản uỷ quyền ngày 01/02/2023*); địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn N - Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật - Giải phóng mặt bằng, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm P; địa chỉ: F C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Văn N - Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật - Giải phóng mặt bằng, Trung tâm P (*Văn bản uỷ quyền ngày 16/01/2023*); địa chỉ: F C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Đại T là người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện UBND thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/6/2012, bà Trần Thị Kim L1 có nhận khoán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV) cà phê Buôn Ma T1 thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, diện tích 9.584m² theo Hợp đồng nhận khoán số 85Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2030. Ngày 10/4/2014, bà L1 chuyển nhượng hợp đồng giao khoán, tài sản trên đất và diện tích đất giao khoán trên cho ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị C quản lý, sử dụng (trong đó chuyển nhượng cho ông L diện tích 1.000m², bà Lê Thị C diện tích 8.584m²).

Ngày 27/4/2016, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1166/QĐ-UBND về việc giải thể Công ty TNHH MTV C.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m² đất tại các phường: T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV C; giao diện tích 897.744,7m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Qua đo đạc khi thu hồi, xác định diện tích ông L đang quản lý thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.084m².

Ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8601/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (đợt 1), trong đó có phê duyệt phương án bồi thường cho ông Nguyễn Văn L (diện tích 1.084m²).

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L trình bày có nội dung như sau:

Bà Trần Thị Kim L1 là công nhân lao động của Công ty C. Năm 1998, bà L1 được giao khoán thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, diện tích 9.584m² để trồng các loại cây theo sự chỉ đạo của Nông trường. Do vậy, từ năm 2003, gia đình bà L1 đã làm nhà trồng coi, cất dụng cụ, chứa vật tư, thu hoạch sản phẩm và xây chuồng trại chăn nuôi. Năm 2009, bà L1 tự đầu tư trồng cây cà phê. Tuy nhiên,

do đất xấu, cây cà phê còi cọc nên đã chuyển đổi sang trồng cây sầu riêng và một số cây đặc sản dài ngày. Ngày 04/6/2012, bà L1 và Công ty C ký kết Hợp đồng kinh tế về việc liên kết sản xuất cà phê số 85Đ1/2012/HĐ (Hợp đồng liên kết là việc Công ty giao đất, công nhân tự đầu tư cây trồng, nhà kho, giếng nước, chăm sóc, chịu mọi rủi ro mà Công ty không chia sẻ, có nghĩa là Công ty K cho công nhân). Vào đầu năm 2014, chồng bà L1 bị bệnh, cần kinh phí để chữa bệnh cho chồng và do thiếu người lao động và thiếu đầu tư nên ngày 10/4/2014, bà L1 đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng kinh tế v/v liên kết sản xuất cà phê số 85Đ1/2012/HĐ cho 02 người. Trong đó, ông nhận chuyển nhượng một phần vườn sầu riêng, diện tích 1.000m², trên đó có 01 nhà kho, giếng nước và các loại cây trồng đã cho thu hoạch; bà L1 làm Giấy ủy quyền cho ông thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ đối với một phần Hợp đồng kinh tế v/v liên kết sản xuất cà phê số 85Đ1/2012/HĐ và phần diện tích đất nhận khoán.

Sau khi nhận vườn, ông đã đầu tư thâm canh nên cây sầu riêng và các loại cây trồng cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Trường hợp chưa bị Nhà nước thu hồi đất thì cây trồng của ông năm sau sẽ cho thu hoạch cao hơn năm trước. Trong đó, ông có 21 cây sầu riêng ghép, mỗi năm thu tối thiểu 120.000.000 đồng. Ông là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất nhận khoán.

Ngày 15/12/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất và các thành phần tham gia tiến hành kiểm đếm và lập Biên bản kiểm đếm xác định thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và các loại tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng sơ sở hạ tầng khu dân cư Đ, tổ dân phố D, Phường Thành N1, thành phố B.

Sau khi có thông báo về việc thu hồi đất thì ông không tiến hành đầu tư thâm canh cây trồng nữa, đặc điểm cây Sầu riêng ghép không chăm bón, không phun thuốc phòng trừ sâu bệnh, không phun các chất tăng trưởng, kích thích định kỳ là không được thu hoạch, nên ông đã bị thiệt hại về kinh tế từ năm 2018 cho tới nay.

Ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ra Quyết định số 8601/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hạ tầng giao thông khu dân cư P, phường T, thành phố B (đợt 1). Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo quyết định này thì ông được bồi thường hỗ trợ tổng số tiền 253.521.592 đồng (Giảm 56.037.704 đồng so với Bảng tính chi tiết ban hành kèm theo Dự thảo phương án bồi thường hỗ trợ của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk niêm yết tại UBND phường T). Ngoài ra, ông không được hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, không được bố trí đất có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá để ở.

Do đó, Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B đã làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của ông, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông.

- Buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông trong đó: Bồi thường bổ sung tài sản, vật kiến trúc như trong Bảng tính chi tiết niêm yết công khai kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh P; Bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2023, ông L có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong đó có nội dung: Theo hợp đồng liên kết thì thời hạn ông được sử dụng đất đến ngày 31/12/2030, thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Từ tháng 6/2014 tới nay, ông ở và sản xuất trong căn nhà trên thửa đất nhận khoán, ngoài căn nhà này ông không có nhà ở, đất ở nào khác, nên thuộc trường hợp được xem xét giao đất theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ. Trong khi làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đã xác minh, đề xuất giao cho ông 01 thửa đất có thu tiền sử dụng đất tuy nhiên không được UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt. Do đó, ông đề nghị bổ sung các yêu cầu: Buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông trong đó: Bồi thường bổ sung tài sản, vật kiến trúc như trong Bảng tính chi tiết niêm yết công khai kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh P lần 1, bổ sung số tiền 56.037.704 đồng; bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, giao cho ông 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất, thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả từ ngày 15/12/2018 đến ngày 01/12/2021.

Ngày 26/5/2023, ông Nguyễn Văn L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định sản xuất, đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và yêu cầu thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Đại T trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn L đang sử dụng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.084m², có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Kim L1 vào ngày 10/4/2014 bằng giấy viết tay.

Năm 2019, UBND tỉnh Đ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019, trên cơ sở đó Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk triển khai công tác kiểm đếm, lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn L là 253.521.592 đồng, ông Nguyễn Văn L đã nhận tiền và đồng ý bàn giao mặt bằng vào ngày 31/12/2021. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, ý kiến của UBND thành phố B như sau:

- Đối với yêu cầu UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án theo hướng bồi thường tài sản, vật kiến trúc theo Bảng tính chi tiết niêm yết công khai do Trung tâm phát triển quỹ đất Lắk lập: Bảng tính chi tiết niêm yết công khai do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập là bảng tính dự thảo để lấy ý kiến góp ý của hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân liên quan, chưa được Hội đồng thẩm định thông qua nên không có cơ sở pháp lý.

Đối với yêu cầu bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Ông Nguyễn Văn L không có Hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty C, trên đất ông L đã xây dựng nhà ở và các công trình khác. Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, ông L không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013: Ông L sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Kim L1 vào ngày 10/4/2014 bằng giấy viết tay, không được Công ty TNHH MTV C ký kết hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê trên diện tích đất thu hồi nêu trên, nên không đủ điều kiện được áp dụng khoản hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định.

Đối với yêu cầu UBND thành phố B giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá: Căn cứ điểm 3 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, ông Nguyễn Văn L không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

Đối với yêu cầu thanh toán thêm khoản lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định tại Luật quản lý thuế tính từ ngày Nhà nước lập Biên bản kiểm đếm (ngày 15/12/2018) đến ngày ông L Nhận tiền (ngày 01/12/2021): Ngày 15/12/2018, Trung tâm P tiến hành kiểm đếm tài sản, cây trồng gắn liền với thửa đất do ông Nguyễn Văn L sử dụng, sau khi kiểm đếm ông L vẫn quản lý, canh tác và hưởng hoa lợi từ các tài sản trên đất. Ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8601/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ; chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng Công trình Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía B,

phường T, thành phố B (đợt 1). Đến ngày 31/12/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã phối hợp với UBND phường T tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Nguyễn Văn L, ông L đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi. Như vậy, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L (trong thời gian 30 ngày kể từ ngày UBND thành phố phê duyệt phương án tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021) đã đảm bảo đúng quy định, do đó nội dung khởi kiện của ông L là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Do đó, UBND thành phố B đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk là ông Phạm Văn N trình bày có nội dung như sau:

Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk thống nhất với nội dung trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của UBND thành phố B. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn L do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 đã đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là không có cơ sở xem xét, giải quyết, nên đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 76, Điều 79, Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 4 Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và yêu cầu thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (đợt 1), đối với phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn L.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về phần bồi thường vật kiến trúc, cây trồng trên đất tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 29/9/2023 người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Lê Đại T kháng cáo, yêu cầu xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và yêu cầu thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm căn

cứ khoản 2 Điều 173 của Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này là có căn cứ.

[1.2] Đối với Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B:

- Về yêu cầu đòi bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013 của ông L thì thấy: thửa đất số 39, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.084m² mà ông Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Kim L1. Bà L1 đã nhận khoán của Công ty TNHH MTV C theo hợp đồng nhận khoán số 85Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2030. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy sang nhượng ngày 10/4/2014 về việc chuyển nhượng thửa đất số 39 trên của bà Trần Thị Kim L1 cho ông L thấy, đây là việc các bên tự ý thỏa thuận của các cá nhân; giấy viết tay này, không được sự đồng ý xác nhận của Công ty TNHH MTV C. Bà L1 nhận khoán nhưng không tiếp tục thực hiện đúng theo hợp đồng nhận khoán là có vi phạm theo thỏa thuận. Mặt khác, Công ty cũng không ký kết hợp đồng giao khoán, thỏa thuận liên kết sản xuất cà phê nào khác với ông L đối với diện tích đất thu hồi nên không đủ điều kiện được áp dụng khoản hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định. Do đó, việc UBND thành phố B không bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho ông Nguyễn Văn L là đúng pháp luật.

- Về bồi thường nhà ở, vật kiến trúc trên đất:

Theo Điều 3 Hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê thể hiện việc bên nhận giao khoán phải sử dụng đất đúng mục đích và chỉ được làm 01 lần trại để bảo vệ sản xuất, không được làm nhà để ở và các công trình phục vụ sinh hoạt trong lô đất nhận khoán. Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng từ bà L1, ông L đã xây dựng nhà ở, vật kiến trúc và công trình xây dựng trên đất nông nghiệp nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai, nhưng được xem xét hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ). Cụ thể:

“4. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng không đủ điều kiện bồi thường trừ các trường hợp tại điểm c khoản này thì được hỗ trợ như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân cụ thể như sau:

...- Xây dựng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; 30% đối với trường hợp xây dựng trước từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

Như vậy, đối chiếu với Bảng tính chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 đối với ông Nguyễn Văn L, UBND thành phố B đã áp dụng tỷ lệ bồi thường đối với nhà ở, vật kiến trúc trên đất của ông Nguyễn Văn L là đúng theo quy định.

- Về bồi thường cây trồng trên đất: Theo Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ thì:

“1. Đối với trường hợp trên một đơn vị diện tích đất canh tác gieo trồng nhiều loại cây trồng có chu kỳ sinh trưởng, chăm sóc, sản phẩm thu hoạch và kinh doanh khác nhau. Khi thực hiện công tác kiểm đếm cây trồng, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải xác định cây trồng chính, cây trồng xen, cách xác định như sau:

a) Trên một đơn vị diện tích đất canh tác của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà có gieo trồng nhiều loại cây thì cây trồng chính được xác định là cây trồng có tổng giá trị bồi thường cao nhất (hoặc là cây có giá trị kinh tế và hiệu quả lớn nhất) tại thời điểm xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, còn lại được xác định là cây trồng xen (cây trồng phụ).

b) Trường hợp cây trồng chính được xác định mà có quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành quy định các loại cây được phép trồng chung (trồng xen) phù hợp trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác bị thu hồi thì cây trồng chung đó được tính bằng 100% đơn giá ban hành theo quy định.

c) Mức tính đối với cây trồng xen (cây trồng phụ) còn lại bằng 80% đơn giá của cây trồng cùng loại, cây trồng tương đương quy định tại Quyết định này.

...

3. Trường hợp số cây trồng vượt mật độ đến 50% so với mật độ cây trồng theo quy định tại Quyết định này thì được hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng cùng loại quy định tại Quyết định này; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được bồi thường 30% giá trị cây trồng cùng chủng loại; số cây vượt mật độ trên 100% thì không được bồi thường. (trường hợp cây trồng tại đơn giá này không quy định mật độ thì áp dụng theo quy trình kỹ thuật hoặc định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành).”

Theo Quyết định này thì mật độ quy định đối với sầu riêng ghép là 156 cây/ha, bơ ghép mật độ 208 cây/ha, tiêu trụ bê tông mật độ 1.600 trụ/ha, mít ghép mật độ 400 cây/ha, đinh lăng trồng tập trung mật độ 40.000 gốc/ha, na là 200 cây/ha, xoài ghép mật độ 400 cây/ha, chanh mật độ 1.100 cây/ha, đu đủ 2.000 cây/ha, quýt ghép mật độ 1.111 cây/ha, soboche mật độ 208 cây/ha, cây mai vàng mật độ 6.000 cây/ha.

Trên diện tích 1.057,75m², ông L đã trồng 21 cây sầu riêng ghép, 13 cây bơ ghép, 25 tiêu trụ bê tông, 11 cây mít ghép, 123 cây đinh lăng, 04 cây na, 04 cây xoài ghép, 01 cây chùm ngây, 01 cây ổi ghép, 01 cây chanh đào, 01 cây đu

đu, 02 cây quýt ghép, 01 cây saboche, 03 cây sáo tam phân làm thuốc, 12 cây mai vàng, 01 cây trầm hương, 600m² lạc đại phủ đất. Như vậy, cây sầu riêng và lạc đại phủ đất là cây trồng chính, những cây còn lại là cây trồng xen. Đồng thời, mật độ quy định là 17 cây sầu riêng/1.089,74m² nên có 04 cây sầu riêng còn lại/256,41m² vượt mật độ đến 50% (1.346,15m²/1.057,75m²). Đối với cây trồng xen, 05 cây bơ ghép/240,38m², vượt mật độ đến 50% (528,78m²/1.057,75m²), có 08 cây bơ ghép/384,62m² và 25 cây tiêu trụ bê tông/156,25m², vượt mật độ từ 50% đến 100% (1069,65m²/1.057,75m²). Đối với các cây trồng còn lại đã vượt mật độ trên 100%. Do đó, UBND thành phố B xác định loại cây trồng chính, cây trồng xen, mật độ cây trồng, tỷ lệ bồi thường, số tiền bồi thường hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn L là đúng theo quy định của pháp luật nên việc ông L cho rằng UBND thành phố B bồi thường giá trị thấp là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về việc hỗ trợ tái định cư:

Ông Nguyễn Văn L không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật đất đai. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: ông L có xây dựng nhà ở và phải giải toả toàn bộ nhà ở khi nhà nước thu hồi đất, khi xây dựng nhà ở ông L không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; ông L không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thành phố B nên căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật đất đai và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông L có đủ điều kiện để được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của ông L và buộc UBND thành phố B giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho ông L là đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện về việc bác yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện;

[2] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy, đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

[3] Do chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện nên người bị kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Sửa một phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 146/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Áp dụng: Điều 76, Điều 79, Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 3, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 4 Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyên đổi nghề, tìm kiếm việc làm và yêu cầu thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về phần bồi thường vật kiến trúc, cây trồng trên đất tại Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L: hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (đợt 1) đối với phần hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn L.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phần hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003394 ngày 16/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái